

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**CHU QUANG TUẤN**

**QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH  
DÂN TỘC THIỂU SỐ CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
HUYỆN VĨ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

**THÁI NGUYÊN – 2013**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**CHU QUANG TUẤN**

**QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH  
DÂN TỘC THIỂU SỐ CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
HUYỆN VĨ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CHUYÊN NGÀNH : QUẢN LÝ GIÁO DỤC  
MÃ SỐ : 60.14. 01. 14.**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

**Người hướng dẫn khoa học  
PGS.TS. PHẠM VIỆT VƯỢNG**

**THÁI NGUYÊN – 2013**

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Nước ta đang trong thời kì phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, bên cạnh nhiều thành tựu đã đạt được, cũng có những mặt trái đã tác động đến giá trị đạo đức xã hội. Một bộ phận không nhỏ học sinh có biểu hiện lệch lạc về lối sống như: ham chơi, lười học, coi thường kỷ luật nhà trường, tham gia vào các tệ nạn xã hội, thậm chí vi phạm pháp luật. Tình trạng học sinh vi phạm đạo đức xã hội là lời cảnh báo không chỉ đối với ngành giáo dục, mà còn đối với toàn xã hội.

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, Đảng ta đã nhận định: “Hiện nay tình trạng suy thoái, xuống cấp về đạo đức, lối sống, sự gia tăng tệ nạn xã hội và phạm tội đáng lo ngại, nhất là trong lớp trẻ”.

Đạo đức và giáo dục đạo đức là một phạm trù xã hội xuất hiện từ khi có xã hội loài người. Lịch sử phát triển của xã hội loài người luôn gắn liền với giáo dục, sự tồn tại và phát triển của giáo dục luôn chịu sự chi phối của kinh tế, xã hội và ngược lại giáo dục có vai trò to lớn trong việc phát triển kinh tế, xã hội. Giáo dục là công cụ là phương tiện cải tiến xã hội. Yếu tố con người được coi là trung tâm của sự phát triển, con người càng có đạo đức, nhân cách cao đẹp thì có sự tác động đến xã hội càng lớn, đạo đức và nhân cách của mỗi con người được hình thành và phát triển phần nhiều dựa vào công tác giáo dục.

Đối với nước ta, vấn đề GDĐĐ cho thế hệ trẻ được đặc biệt quan tâm và đã trở thành truyền thống xuyên suốt lịch sử dân tộc. Giáo dục đạo đức được đề cao với triết lý “Tiên học lễ, hậu học văn”.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII của Đảng đã chỉ rõ nhiệm vụ của Giáo dục và Đào tạo là: “Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng

độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thông qua tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã khẳng định: “Giáo dục và Đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam. Phát triển Giáo dục và Đào tạo cùng với phát triển Khoa học và Công nghệ là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho Giáo dục và Đào tạo là đầu tư phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện Giáo dục và Đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời”.

Luật Giáo dục đã ghi rõ: “Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, có tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Xuất phát từ thực trạng trên, trong những năm qua ngành giáo dục đã quan tâm đến công tác giáo dục toàn diện cho các thế hệ học sinh (HS), trong đó vấn đề GDĐĐ được coi là một nhiệm vụ quan trọng. Tuy nhiên nhà trường mới chỉ chú trọng đến xây dựng nền nếp, kỷ cương, nội quy và những nội dung mang nặng tính giáo huấn, sách vở, mà chưa thực sự chú ý đến giáo dục kỹ năng sống (KNS), giá trị sống (GTS) cho học sinh. Do đó công tác GDĐĐ cho HS đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số (DTTS) miền núi còn chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội và sự phát triển chung của đất nước.

Thái Nguyên là một tỉnh miền núi, nơi cư trú của nhiều dân tộc anh em như: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán chỉ ... Huyện vùng cao Võ Nhai của tỉnh, có nền kinh tế còn chậm phát triển, trình độ dân trí chưa cao, các lĩnh vực văn hóa xã hội còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên trong những năm gần đây quy mô của các trường trung học phổ thông (THPT) ngày một phát triển và có nhiều biến đổi, các trường THPT trong huyện tuy đã có nhiều cố gắng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS, tuy nhiên công tác GDĐĐ cho HS đặc biệt là học sinh DTTS vẫn còn nhiều bất cập, hiệu quả chưa cao.

Để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh DTTS của các trường THPT huyện Võ Nhai, cần có một công trình nghiên cứu nghiêm túc, có hệ thống để tìm ra các biện pháp giúp hiệu trưởng các trường THPT quản lí tốt công tác GDĐĐ cho HS đặc biệt là học sinh DTTS.

Là cán bộ quản lí của một trường THPT ở huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề nêu trên chúng tôi chọn đề tài *“Quản lí giáo dục đạo đức cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường trung học phổ thông huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên”* làm đề tài luận văn cao học của mình.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng, luận văn có mục đích đề xuất biện pháp quản lí giáo dục đạo đức cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường THPT huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của các nhà trường.

## **3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

### **3.1. Khách thể nghiên cứu:**

Quá trình giáo dục đạo đức cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường trung học phổ thông.

### **3.2. Đối tượng nghiên cứu:**

Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh dân tộc thiểu số ở các trường THPT huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

### **4. Giả thuyết khoa học**

GDĐĐ và quản lý GDĐĐ cho học sinh DTTS ở các trường THPT huyện Võ Nhai đã đạt được những kết quả nhất định, song vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục, nếu đề xuất và thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý của học sinh DTTS và thực tế của địa phương thì sẽ nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong các nhà trường.

### **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

5.1. Khái quát cơ sở lý luận chung về GDĐĐ và quản lý GDĐĐ cho HS.

5.2. Khảo sát, đánh giá thực trạng biện pháp GDĐĐ và quản lý GDĐĐ cho học sinh ở các trường THPT huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

5.3. Đề xuất một số biện pháp quản lý GDĐĐ cho học sinh THPT ở huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

### **6. Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu thực trạng quản lý GDĐĐ cho HS DTTS ở các trường THPT trên địa bàn huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên trong 3 năm học gần đây.

### **7. Phương pháp nghiên cứu**

#### **7.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận.**

Phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa các tài liệu có liên quan như: nghiên cứu các văn kiện của Đảng, các văn bản pháp quy của Nhà nước, của ngành GD&ĐT về quản lý GDĐĐ cho học sinh trường THPT trong giai đoạn hiện nay; nghiên cứu các giáo trình, sách báo, các công trình sản phẩm có liên quan.

### ***7.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn***

- Phương pháp quan sát các hoạt động GDĐĐ cho học sinh trong các trường THPT ở huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

- Phương pháp điều tra thực trạng công tác GDĐĐ cho học sinh trong các trường THPT ở huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

- Phương pháp chuyên gia xin ý kiến đề xuất các biện pháp quản lý GDĐĐ cho học sinh DTTS.

- Phương pháp tổng kết kinh nghiệm GDĐĐ cho học sinh.

- Phương pháp khảo nghiệm khẳng định tính khả thi của các biện pháp được đề xuất.

### ***7.3. Nhóm các phương pháp hỗ trợ.***

- Phương pháp thống kê toán học

- Sử dụng phần mềm máy tính để xử lý số liệu, lập bảng biểu, sơ đồ.

## **8. Những đóng góp của đề tài**

Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng công tác quản lý GDĐĐ cho học sinh ở địa bàn vùng cao của tỉnh Thái Nguyên và đề xuất các biện pháp quản lý GDĐĐ đặc thù cho học sinh DTTS ở địa phương.

## **9. Cấu trúc của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, nội dung đề tài gồm 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận của biện pháp quản lý GDĐĐ cho học sinh THPT vùng cao.

Chương 2. Thực trạng quản lý GDĐĐ cho HS THPT huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Chương 3. Biện pháp quản lý GDĐĐ cho HS DTTS cấp THPT huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn hiện nay.

## Chương 1

# CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÙNG CAO

### 1.1. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

#### 1.1.1. Các nghiên cứu ở nước ngoài

Từ thời xa xưa con người đã rất coi trọng giá trị đạo đức trong đời sống xã hội. Người Hy Lạp đã tìm cách lý giải sự hình thành các chuẩn mực luân lý và các tập tục xã hội, đã cố gắng phân biệt thật - giả, thiện - ác... trong cuộc sống của cộng đồng.

Khổng tử (551- 479 TCN) nhà giáo dục Trung hoa cho rằng con người cần được giáo dục từ lúc còn nhỏ. Ông dạy học trò ở nhà thì *phải hiếu thuận với cha mẹ, ra ngoài xã hội phải kính trọng các bậc huynh trưởng, đã nói thì phải thành thực, nên thân yêu rộng khắp mọi người.*

Thế kỷ XVII, J. A. Komensky - Nhà giáo dục người Xéc đã có nhiều đóng góp cho lý luận GDĐĐ qua tác phẩm “Khoa sư phạm vĩ đại”. Ông đề xuất nhiều biện pháp giáo dục và nhấn mạnh con người phải được giáo dục từ lúc trẻ thơ, bởi trẻ em như cây non trong vườn *để cây cỏ lớn lên nhất thiết phải được sự quan tâm, chăm sóc ....* Ông kêu gọi các bậc cha mẹ, các nhà giáo *hãy mãi mãi là một tấm gương trong cuộc sống, trong mọi sinh hoạt để trẻ em noi theo...* Ông coi những trẻ em yếu kém về học tập và hạnh kiểm như là những trái cây chín muộm, nếu biết cách kiên trì giáo dục sẽ đem lại kết quả tốt đẹp. J.A. Komensky đặc biệt quan tâm tới giáo dục đạo đức, coi việc gương mẫu của người lớn đối với trẻ em là cách giáo dục có tác dụng lớn lao.

Đặc biệt từ sau cách mạng tháng Mười Nga, các nhà giáo dục Xô Viết đã có công xây dựng cơ sở phương pháp luận giáo dục và đề xuất những phương



pháp giáo dục mới. A.S.Makarenko cho rằng giáo dục là một công việc không được phép sai lầm và ông đưa ra một nguyên tắc giáo dục đầy ý nghĩa đó là phải tôn trọng và yêu cầu cao đối với con người.

V.A. Xukhômliński (1918 – 1970) – nhà giáo dục lỗi lạc người Ucraina, cũng rất quan tâm đến GDĐĐ cho học sinh, ông đã đóng góp nhiều cho lí luận và tổng kết kinh nghiệm giáo dục thế hệ trẻ. Trong quá trình giáo dục ông quan tâm đặc biệt tới sự hài hòa giữa sự phát triển tình cảm đạo đức, thẩm mỹ với sự phát triển trí tuệ, thể chất, cũng như kỹ năng lao động nghề nghiệp và ý thức công dân. Ông nhấn mạnh mối quan hệ giữa giáo dục và tự giáo dục, tự quản rèn luyện và giáo dục của tập thể HS. Ông cho rằng cần phải phối hợp các lực lượng giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội trong quá trình giáo dục thế hệ trẻ. Tác phẩm "Giáo dục con người chân chính phải như thế nào" của ông có giá trị to lớn trong công tác giáo dục thế hệ trẻ.

### ***1.1.2. Các nghiên cứu trong nước.***

Việt Nam là đất nước có truyền thống đạo đức với nhiều giá trị tốt đẹp, đã trở thành những giá trị triết lý giáo dục Việt Nam. Đạo đức được coi là phẩm chất quan trọng nhất của nhân cách, vì vậy việc GDĐĐ cho thế hệ trẻ là nhiệm vụ của toàn xã hội. Những lời răn: “Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”, “Nhiều điều phải lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng”, “Tiên học lễ, hậu học văn”, “Cái nết đánh chết cái đẹp”... được mọi người coi trọng. Ngay từ các triều đại phong kiến các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc đã được đưa vào sử sách, trở thành những nội dung giảng dạy trong các trường học.

Đến trước Cách mạng Tháng Tám 1945, ở nước ta có nhiều sách dạy về luân lý, dạy làm người của các tác giả: Tản Đà, Trần Hữu Độ, Lê Văn Siêu, Phan

Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng... Các tác phẩm này được dùng làm sách giáo khoa giảng dạy ở các nhà trường và sách đọc ở nhà ...

Phan bội Châu, trong tác phẩm “Khổng học đấng”, với quan điểm tiến bộ đã đúc kết những tinh hoa của Khổng học, chất lọc tính nhân văn, phát huy những phẩm chất cao cả của con người nhằm phục vụ bản thân và xã hội. Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, dũng, liêm là những đức tính cần phải được mọi người trau dồi, học tập, nhất là thế hệ thanh niên.

Phan Chu Trinh, với “Đạo đức và luân lý” đã đề cao sức mạnh đạo đức, nhân cách, bản lĩnh con người. Theo ông, một dân tộc muốn đứng lên để không bị chèn ép thì phải có một nền đạo đức vững chắc.

Trong những năm gần đây đã có nhiều tác giả nghiên cứu về đạo đức và GDĐĐ cho học sinh, với những công trình đóng góp có giá trị như Vũ Khiêu, Phạm Minh Hạc, Đặng Vũ Hoạt, Phạm Khắc Chương, Đặng Quốc Bảo... đã nêu lên các định hướng giá trị đạo đức con người Việt Nam trong thời kì CNH, HĐH đất nước .

Đặng Vũ Hoạt đã nghiên cứu vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong quá trình GDĐĐ cho học sinh và đưa ra một số định hướng đổi mới nội dung, phương pháp GDĐĐ cho học sinh phổ thông.

Phạm Khắc Chương với công trình nghiên cứu: ‘Một số vấn đề GDĐĐ ở trường THPT - Rèn ý thức đạo đức công dân’. Đặng Quốc Bảo với nghiên cứu: “Một số ý kiến về nhân cách thế hệ trẻ, thanh niên, sinh viên và phương pháp giáo dục”.

Những năm gần đây đã có một số luận văn thạc sĩ về quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh như:

- Đặng Văn Chiến: “Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh THPT ở cụm trường Gia Lâm – Long Biên – Hà Nội”.